

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Cương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị V, sinh năm 1982; (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp V2, xã TP, huyện G, tỉnh T.

**- Bị đơn:**

1. Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1987; (*vắng mặt*)

2. Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1986; (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp Trâm Vàng 3, xã TP, huyện G, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-7-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **chị Trần Thị V** trình bày:*

Anh T và chị H có tham gia hụi do chị làm chủ thảo. Những dây hụi Anh T, chị H tham gia tính đến tháng 10-2021 thì có những dây đã mãn và có những dây chưa mãn nhưng tất cả các dây hụi chị H, Anh T đều đã hết và còn nợ lại tiền hụi chết. Ngày 13-10-2021, chị H có đến gặp chị yêu cầu gút lại tiền còn nợ,

chị và chị H đã gút lại với nhau tiền nợ hụi và tiền mượn đến tháng 10-2021 là số tiền 394.300.000 đồng. Nên chị H có ghi cho chị giấy mượn tiền ngày 13-10-2021 với số tiền 394.300.000 đồng và chị H có ký tên.

Ngoài ra, Anh T và chị H còn nợ tiền hụi chết từ sau ngày 13-10-2021 của các dây hụi gồm:

- Dây 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 15 phần mẫn ngày 09-5-2022. Chị H, Anh T hốt kỳ đầu tiên ngày 09-3-2021 do Anh T ký nhận tiền đăng hụi. Từ tháng 11-2021, chị H, Anh T không đóng hụi chết nên còn nợ lại 35.000.000 đồng;

- Dây 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 14 phần mẫn ngày 09-4-2022. Chị H, Anh T hốt hụi vào tháng 6-2021 do chị H ký nhận tiền đăng hụi. Từ tháng 11-2021, chị H, Anh T không đóng hụi chết nên còn nợ lại 18.000.000 đồng;

- Dây 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 14 phần mẫn ngày 09-4-2022. Chị H, Anh T hốt hụi vào tháng 9-2021 nhưng chị quên cho ký nhận tiền đăng hụi. Từ tháng 11-2021, chị H, Anh T không đóng hụi chết nên còn nợ lại 12.000.000 đồng;

- Dây 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 14 phần mẫn ngày 09-4-2022. Chị H, Anh T hốt hụi vào tháng 10-2021 do chị H nhận tiền đăng hụi. Dây hụi này chị không cho chị H, Anh T ký nhận tiền hụi. Từ tháng 11-2021, chị H, Anh T không đóng hụi chết nên còn nợ lại 6.000.000 đồng.

Tổng cộng chị H, Anh T còn nợ 71.000.000 đồng tiền hụi chết chưa đóng của 04 dây hụi trên. Tại đơn khởi kiện, chị trình bày Anh T, chị H còn nợ 95.880.000 đồng là bao gồm cả 02 dây hụi chị tham gia dùm cho Anh T, chị H. Nay chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch là 24.880.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu Anh T, chị H trả nợ gốc 394.300.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 13-10-2021 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 20%/năm và 71.000.000 đồng tiền nợ hụi, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, chị rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi và 18.000.000 đồng tiền nợ của dây hụi 2.000.000 đồng và dây hụi 1.000.000 đồng. Chị yêu cầu Anh T, chị H trả số tiền 394.300.000 đồng theo giấy mượn tiền và 53.000.000 đồng tiền nợ của dây hụi 5.000.000 đồng và dây hụi 3.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, **riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V. Buộc anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền nợ gốc 394.300.000 đồng và tiền hui còn nợ là 53.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị V đối với yêu cầu tính tiền lãi và số tiền 42.880.000 đồng tiền nợ hui.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Qua xác minh, bị đơn anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện G, tỉnh T và nơi cư trú cuối cùng tại ấp Trâm Vàng 3, xã TP, huyện G, tỉnh T. Nhưng từ khoảng tháng 9-2021, Anh T và chị H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Anh T và chị H không báo với chính quyền địa phương cũng như không thông báo và không cung cấp địa chỉ mới cho chị V biết. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của Anh T và chị H là đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn Anh T và chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với hợp đồng vay:

[2.1] Chị V cho rằng Anh T và chị H nhiều lần vay tiền và tham gia nhiều dây hui do chị làm chủ thảo. Vào ngày 13-10-2021, chị V và chị H có gút nợ với nhau gồm tiền vay và tiền nợ hui đến tháng 10-2021 với số tiền là 394.300.000 đồng. Chị H có ghi và ký tên xác nhận nợ vào giấy mượn tiền đề ngày 13-10-2021, hẹn 03 tháng đóng lãi. Do Anh T và chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi nên chị V khởi kiện vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 2262/KL-KTHS ngày 17-4-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H – Bộ Công an kết luận chữ viết, chữ ký cần giám định đúng tên Trần Thị Thúy H trên giấy mượn tiền ngày 13-10-2021 so với chữ viết, chữ ký đúng tên Trần Thị Thúy H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V đối với số tiền 394.300.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Chị V rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 394.300.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi

kiện của chị V theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với hợp đồng góp hội:

[3.1] Đối với dây hội 5.000.000 đồng/tháng và dây hội 3.000.000 đồng/tháng:

Chị V cho rằng Anh T và chị H có tham gia dây hội 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 15 phần mẫn ngày 09-5-2022 và dây hội 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 09-3-2021, gồm 14 phần mẫn ngày 09-4-2022. Cả hai dây hội Anh T và chị H đều đã hốt và còn nợ lại tiền hội chết từ tháng 11-2021 cho đến khi hội mẫn.

Tại kết luận giám định số 2262/KL-KTHS ngày 17-4-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H – Bộ Công an kết luận chữ ký cần giám định đứng tên Bùi Mạnh T trên giấy đăng hội (ký hiệu A3) so với chữ ký đứng tên Bùi Mạnh T trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Và chữ viết, chữ ký cần giám định đứng tên T Huyền trên giấy đăng hội (ký hiệu A6) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị Thúy H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Do đó, có căn cứ xác định Anh T và chị H có tham gia và hốt 02 dây hội 5.000.000 đồng và 3.000.000 đồng như chị V trình bày là đúng. Ngày 13-10-2021, giữa chị V và chị H có gút nợ với nhau về số tiền vay và tiền hội chết đến tháng 10-2021. Trong đó, dây hội 5.000.000 đồng/tháng mẫn ngày 09-5-2022 nên từ tháng 11-2021 cho đến khi hội mẫn thì Anh T, chị H còn nợ 07 kỳ hội chết x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng; và dây hội 3.000.000 đồng/tháng mẫn ngày 09-4-2022 nên từ tháng 11-2021 cho đến khi hội mẫn thì nên Anh T, chị H còn nợ 06 kỳ hội chết x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V đối với số tiền nợ hội là 53.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[3.2] Chị V rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 42.880.000 đồng tiền hội của 02 dây hội chị V tham gia dùm Anh T, chị H, dây hội 2.000.000 đồng/tháng và dây hội 1.000.000 đồng/tháng. Nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị V theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 217, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V đối với anh Bùi Mạnh T, chị Trần Thị Thúy Huyền.

Buộc anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy Huyền trả cho chị Trần Thị V tổng số tiền 447.300.000 (*Bốn trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn*) đồng, trong đó: tiền hội là 53.000.000 (*Năm mươi ba triệu*) đồng, tiền nợ vay là 394.300.000 (*Ba trăm chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Anh T, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V đối với yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 394.300.000 đồng và số tiền 42.880.000 đồng tiền hội.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh T, và chị H phải chịu 21.892.000 (*Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho chị V số tiền 13.403.000 (*Mười ba triệu bốn trăm lẻ ba nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024949 ngày 28-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Cương**